

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Hộ

2. Ông Đỗ Đức Dũng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:***  
Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thạc T - sinh năm 1964; Dân tộc: kinh;

Địa chỉ: Số nhà 017, tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Hồ Thị Tiên B - sinh năm 1966; Dân tộc: tày;

Địa chỉ: Số nhà 017, tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Số nhà 017, tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thạc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà B kết hôn vào năm 1987, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T đi công tác

xa nhà, có nhiều mối quan hệ, còn bà B ở nhà nên thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không cảm thông cho nhau. Vợ chồng hay cãi nhau nhưng không có xô xát xảy ra. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn xảy ra đã được họ hàng hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông T và bà B có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Quỳnh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 07/5/1989 và Nguyễn Thạc Đ – sinh 02/8/1993 (giới tính: nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét về phần con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Sau khi kết hôn ông T và bà B sống chung tại gia đình mẹ đẻ của ông T tại tổ 31, phường H, thành phố C. Sau đó bà B có đóng góp công sức tu sửa nhà tầng 1 để phục vụ kinh doanh cho bà B và sửa một phần tầng 2 của ngôi nhà để ở. Thời gian kinh doanh được khoảng 5 năm. Sau đó gia đình đã bán ngôi nhà trên với giá 1,3 tỷ đồng, thời điểm bán giá trị ngôi nhà khoảng 200.000.000đ, giá trị của phần đất là 1,1 tỷ đồng. Sau khi bán ngôi nhà xong gia đình ông T đã mua ngôi nhà mới tại tổ B, phường S, thành phố C mà hiện nay gia đình đang ở. Toàn bộ giấy tờ nhà và đất đều mang tên mẹ đẻ của ông T là bà (Nguyễn Thị N). Bà B yêu cầu được tính công sức đóng góp trong khối tài sản hiện nay mang tên mẹ đẻ ông T là bà Nguyễn Thị N ông T không nhất trí.

- Tại Bản tự khai ngày 25/9/2018 và Tại các Biên bản hòa giải bà B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian và điều kiện kết hôn như ông T trình bày là đúng, bà B không có gì bổ sung.

Về quá trình chung sống: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc, bà B luôn chăm lo gia đình và con cái rất tốt. Tuy nhiên, do ông T đi làm việc nhà nước nên thường phát sinh mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà B đã phát hiện nhiều lần và khuyên bảo nhưng ông T không nghe mà vẫn tiếp tục quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần nhưng bà B vẫn mong muốn đoàn tụ gia đình vì hiện nay bà B và ông T đã làm ông, bà nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống bà B và ông T có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Quỳnh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 07/5/1989 và Nguyễn Thạc Đ – sinh 02/8/1993 (giới tính: nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét về phần con chung.

Về tài sản chung: tài sản chung đứng tên hai vợ chồng thì không có. Nhưng sau khi kết hôn bà B có đóng góp bỏ tiền ra mua phần diện tích bếp tại ngôi nhà bên gia đình chồng, và bỏ tiền rất nhiều để sửa nhà ở nhưng do tu sửa nhiều lần bà B không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Tuy nhiên, hiện nay ngôi nhà đã bán để mua một ngôi nhà khác, trong ngôi nhà mới có công sức đóng góp của bà B. Bà B xác định công sức đóng góp vào ngôi nhà hiện nay gia đình đang sinh sống là 1/3 giá trị của ngôi nhà. Trường hợp phải ly hôn bà B yêu cầu được xem xét công sức đóng góp của bà B trong khối tài sản nêu trên.

Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 09/7/2019, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ của ông T), Qua việc lấy lời khai bà N trình bày: về mối quan hệ bà là mẹ đẻ của ông Nguyễn Thạc T, còn bà Hồ Thị Tiên B là vợ của ông T. Trong quá trình sinh sống bà B có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình, cụ thể vào năm 1989 khi ông T và bà B mới sinh con thì cụ nội của bà muốn bán lại 40m<sup>2</sup> đất để mua vàng sau này làm quà cưới cho các con ông T và bà B, nên cụ nội đã bán lại diện tích đất 40m<sup>2</sup> với số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), bản thân bà N đóng góp 500.000đ, bà B đóng góp 1.000.000đ để mua đất với cụ nội. Đối với ngôi nhà tại tổ 31, phường H, khi bà B về làm dâu, gia đình có nhường lại tầng một để bà B kinh doanh bán phở nên đã cải tạo, sửa chữa nâng cấp thêm một tầng thành nhà hai tầng, bà B cũng đóng góp công sức và tiền bạc để cải tạo sửa chữa, còn bà B đóng góp bao nhiêu thì bà N không nhớ được vì thời gian đã lâu. Nay bà N có nguyện vọng các con về chung sống đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con cái. Nguyện vọng của bà B yêu cầu được tính công sức đóng góp của bà B vào tài sản chung của gia đình, nhưng nay bà N đã tuổi cao, sức yếu nên không có tiền để hỗ trợ cho bà B.

Bà B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ngày 19/8/2019 bà B có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và xin xét xử vắng mặt. Trong đơn thể hiện nội dung: “Trong quá trình giải quyết vụ án về việc ly hôn giữa tôi và ông Nguyễn Thạc T (T) tôi đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung trong vụ án ly hôn. Nay tôi rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa. Về quan hệ hôn nhân: tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Về con chung: các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy ông T và bà B về mặt tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu ly hôn, bà B nhất trí ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà B không thể hàn gắn.

Về con chung: con có 02 con chung tên là: Nguyễn Thị Quỳnh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 07/5/1989 và Nguyễn Thạc Đ – sinh 02/8/1993 (giới tính: nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản chung: các đương sự đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét.

Từ những phân tích trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thạc T được ly hôn bà Hồ Thị Tiên B; Về con chung: các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: ông Nguyễn Thạc T viết đơn khởi kiện “Ly hôn” với bà Hồ Thị Tiên B, bị đơn là bà B có nơi cư trú tại: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Tại phiên tòa bà B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về hôn nhân: ông Nguyễn Thạc T kết hôn vào năm 1987, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải và tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên đoàn tụ gia đình nhưng kết quả các bên không thể đoàn tụ được; tại phiên tòa hôm nay ông T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì không còn tình cảm và không thể sống chung kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng; trong quá trình giải quyết vụ án bà B xác nhận vợ chồng đã mâu thuẫn, tuy nhiên bà vẫn có tình cảm với chồng nên không nhất trí ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện rõ quan điểm: Về quan hệ hôn nhân, nhất trí ly hôn; về con chung, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đơn xin vắng mặt được bà Hồ Thị Tiên B trực tiếp đến Tòa án giao nộp, như vậy có thể thấy việc thể hiện ý trí của bà B là hoàn tự nguyện nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà B.

[4] Về con chung: trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự thống nhất, có hai người con chung tên là: Nguyễn Thị Quỳnh T (giới tính: nữ) - sinh ngày 07/5/1989 và Nguyễn Thạc Đ - sinh 02/8/1993 (giới tính: nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: ông Nguyễn Thạc T và bà Hồ Thị Tiên B không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Thạc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thạc T và bà Hồ Thị Tiên B.

[2] Về con chung: các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Thạc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Ông T đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000457 ngày 29/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, nay được trừ vào số tiền án phí ông T phải nộp. Xác nhận ông T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Thạc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hồ Thị Tiên B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Hợp Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Quốc Hùng**